



Kẹp định vị GH



Phụ lục Kẹp định vị GH

Kẹp ngang GH		Kẹp dọc GH		Kẹp đẩy ngang GH	
Trang	Mã	Trang	Mã	Trang	Mã
3	GH 201	28	GH 12130	48	GH 301-AM và GH 301-BM
4	GH 201-A	29	GH 12131	49	GH 301-AL
5	GH 201-B	30	GH 12132	50	GH 36202, GH 36204 và GH 36224
6	GH 201-C	31	GH 12133	51	GH 305-EL
7	GH 225-D	32	GH 101-E và GH 101-D	52	GH 305-EM
8	GH-203-FL	33	GH 101-H	53	GH 305-HM
9	GH 203-P	34	GH 10247	54	GH 305-CM
10	GH-203-F	35	GH 101-EL	55	GH 36090, GH 36090-C, GH 36080 và GH 36080-C
11	GH 200-W	36	GH 12265	56	GH 36330-LL
12	GH 200-WH	37	GH 101-A	57	GH 36092
13	GH 200-WL	38	GH 102-B	58	GH 36020
14	GH 200-WLH	39	GH 101-B	59	GH 302-F
15	GH 204-GBLH	40	GH 101-DL	60	GH 36003
16	GH 204-G	41	GH 101-J	61	GH 301-CR và GH 301-CL
17	GH 204-GB	42	GH 13005	62	GH 31501
18	GH 204-GBL	43	GH 13009	63	GH 303-EM
19	GH 20300	44	GH 11412	64	GH 36006
20	GH 22100	45	GH 11421	65	GH 36010
21	GH 202-F	46	GH 12050	66	GH 36060
22	GH 202-FL	47	GH 12050-U	67	GH 30607
23	GH 20752-B và GH 21502-B			68	GH 36330-LL
24	GH 22185			69	GH 302-D
25	GH 20400			70	GH 36070
26	GH 20800				
27	GH 20235				

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

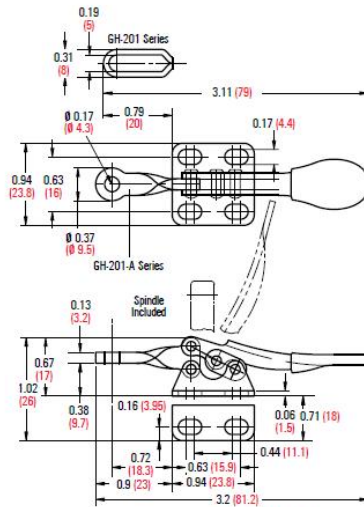
Series GH 201

- Lực kẹp : 27Kg
- Trọng lượng : 40(g)
- Góc mở tay cầm : 80 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



GH-201

Model	Description
GH-201-A	Fixed Bar, Flanged Base



Đơn vị đo là hệ mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

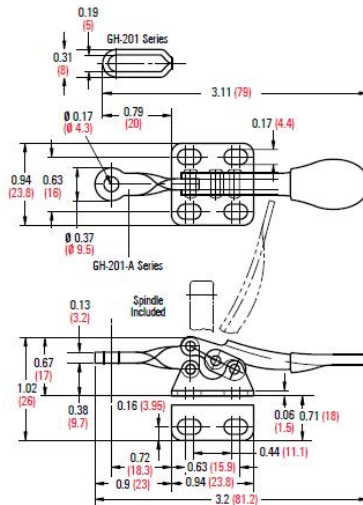
Series GH 201-A

- Lực kẹp : 27Kg
- Trọng lượng : 40(g)
- Góc mở tay cầm : 80 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



GH-201-A

Model	Description
GH-201-A	Fixed Bar, Flanged Base



Đơn vị đo là hệ mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

13

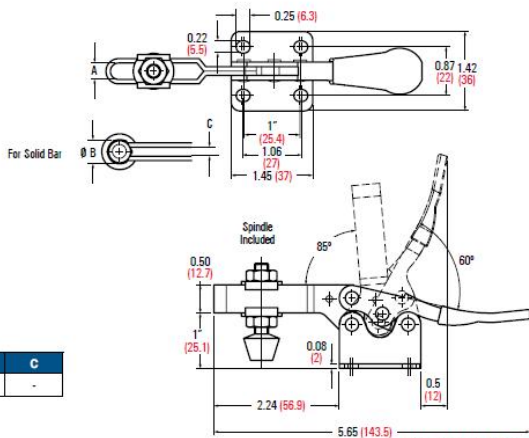
Series 201-B *Popular!*

- Lực kẹp : 90Kg
- Trọng lượng : 130(g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 85 độ



GH-201-B

Model	Description	A	Ø B	C
GH-201-B	U-Bar, Flanged Base	0.29 (7.4)	-	-



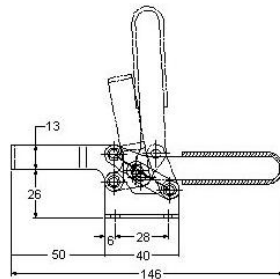
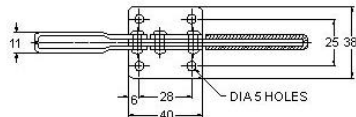
Đơn vị đo là hệ mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 201-C

- Lực kẹp : 100Kg
- Trọng lượng : 140(g)
- Góc mở tay cầm : 87 độ
- Góc mở thanh kẹp : 79 độ

GH-201-C



Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

15

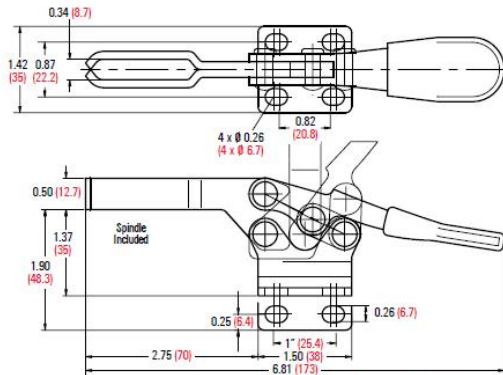
Series 225-D *Popular!*

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 265(g)
- Góc mở tay cầm : 65 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



GH-225-D

Model	Description
GH-225-D	U-Bar, Flanged Base



Đơn vị đo là hệ mm

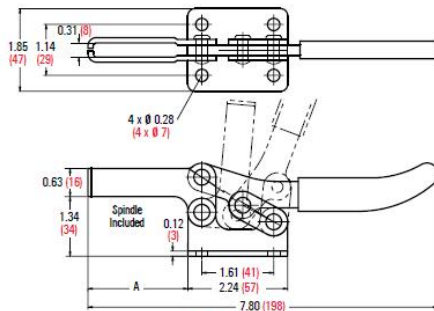
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 203-FL

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 380(g)
- Góc mở tay cầm : 58 độ
- Góc mở thanh kẹp : 85 độ



GH-203-F



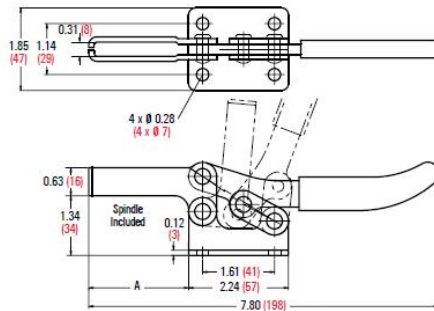
Đơn vị đo là hệ mm

Model	Description	A	Weight
GH-203-FL	Long U-Bar, Flanged Base	3.70 (94)	0.84 lb. (380 g)

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 203-P

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 383(g)
- Góc mở tay cầm : 58 độ
- Góc mở thanh kẹp : 85 độ



Đơn vị đo là đơn vị mm

Model	Description	A	Weight
GH 203-P	U-Bar, Flanged Base	2.24 (57)	0.75 lb. (340 g)

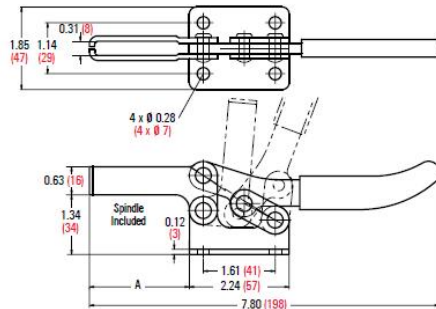
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 203-F

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 340(g)
- Góc mở tay cầm : 58 độ
- Góc mở thanh kẹp : 85 độ



GH-203-F



Model	Description	A	Weight
GH-203-F	U-Bar, Flanged Base	2.24 (57)	0.75 lb. (340 g)

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

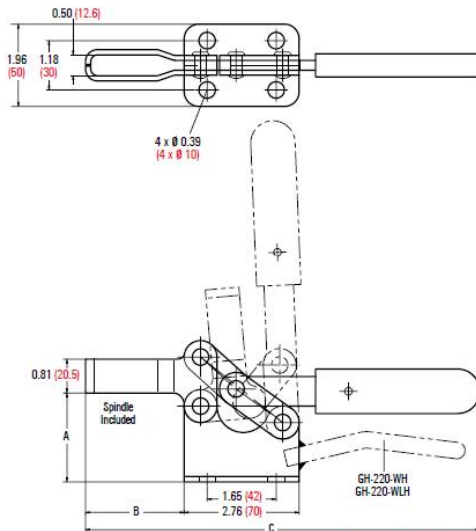
Series GH-200-W

- o Lực kẹp : 400Kg
- o Trọng lượng : 600(g)
- o Góc mở tay cầm : 85 độ
- o Góc mở thanh kẹp : 84 độ



GH-200-W

Model	Spindle	A	B	C	Weight
GH-200-W		2.13 (54)	2.36 (60)	9.45 (240)	1.32 lbs. (600 g)



Đơn vị đo là đơn vị mm

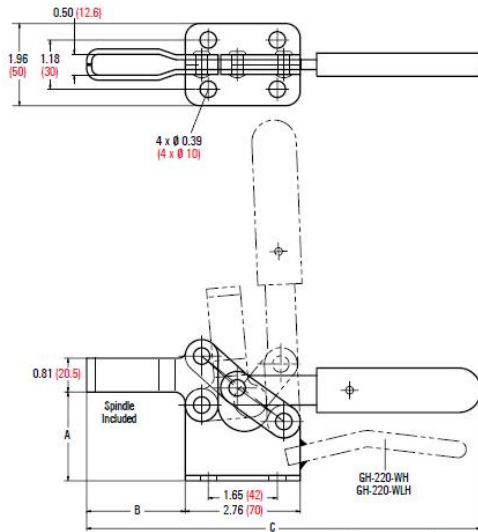
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 200WH

- Lực kẹp : 400Kg
- Trọng lượng : 745(g)
- Góc mở tay cầm : 85 độ
- Góc mở thanh kẹp : 84 độ



Model	Spindle	A	B	C	Weight
GH-200-WH		3.11 (79)	2.36 (60)	9.45 (240)	1.54 lbs. (700 g)



Chỉ số đỏ là chỉ số mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

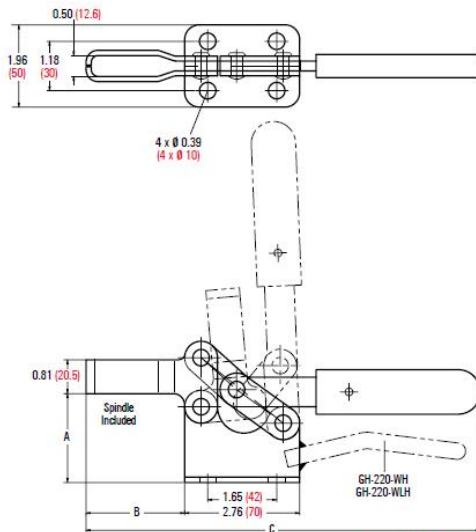
Series GH-200-WL

- Lực kẹp : 400Kg
- Trọng lượng : 640(g)
- Góc mở tay cầm : 85 độ
- Góc mở thanh kẹp : 84 độ



GH-200-WL

Model	Spindle	A	B	C	Weight
GH-200-WL		2.13 (54)	4.33 (110)	11.42 (290)	1.41 lbs. (640 g)



Đơn vị đo là đơn vị mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

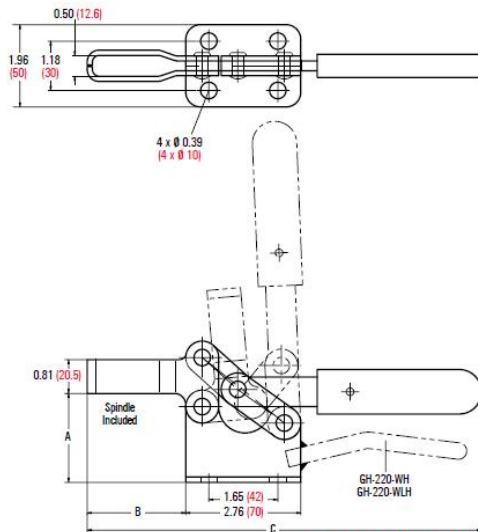
Series GH-200-WLH

- Lực kẹp : 400Kg
- Trọng lượng : 745(g)
- Góc mở tay cầm : 85 độ
- Góc mở thanh kẹp : 84 độ



GH-200-WLH

Model	Spindle	A	B	C	Weight
GH-200-WLH		(79)	4.33 (110)	11.42 (290)	1.64 lbs. (745 g)



Đơn vị chữ đo là đơn vị mm

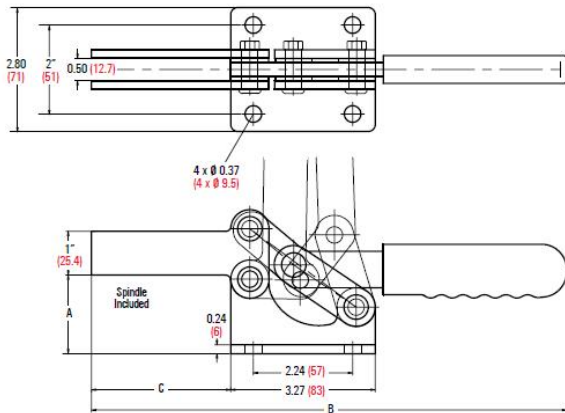
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

GH-204-GBLH

- Lực kẹp : 630Kg
- Trọng lượng : 1465(g)
- Góc mở tay cầm : 94 độ
- Góc mở thanh kẹp : 91 độ



GH-204-GBLH



Đơn vị đo là đơn vị mm

Model	Description	A	B	C	Weight
GH-204-GBLH	Long Bar, High Base	2.79 (71)	12.44 (316)	5" (127)	3.23 lbs. (1,465 g)

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

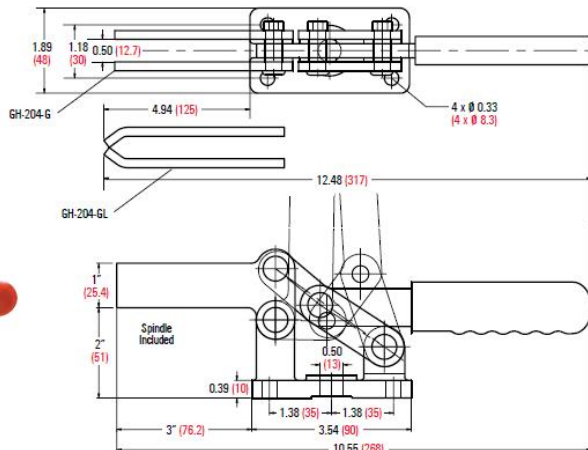
Series 204-G

- Lực kẹp : 636Kg
- Trọng lượng : 1220(g)
- Góc mở tay cầm : 94 độ
- Góc mở thanh kẹp : 91 độ



GH-204-G

Model	Description
GH-204-G	Open Bar, Ductile Iron Base



Kích thước đo là kích thước mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

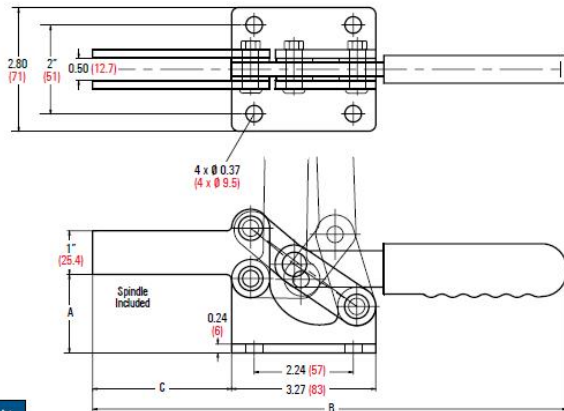
Series 204-GB

- Lực kẹp : 630Kg
- Trọng lượng : 1180(g)
- Góc mở tay cầm : 94 độ
- Góc mở thanh kẹp : 91 độ



GH-204-GB

Model	Description	A	B	C	Weight
GH-204-GB	Short Bar, Low Base	1.77 (45)	10.59 (269)	3.15 (80)	2.60 lbs. (1,180 g)



Đơn vị đo là đơn vị mm

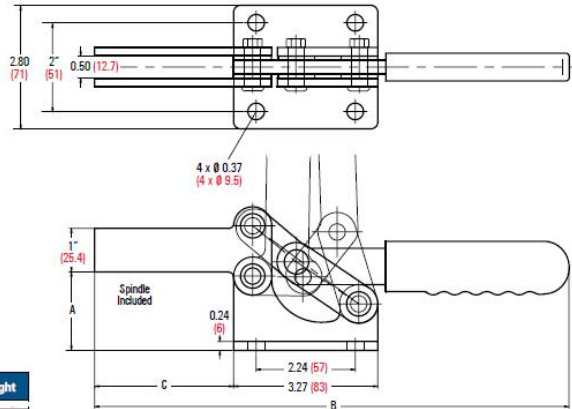
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 204-GBL

- Lực kẹp : 630Kg
- Trọng lượng : 1260(g)
- Góc mở tay cầm : 94 độ
- Góc mở thanh kẹp : 91 độ



Model	Description	A	B	C	Weight
GH-204-GBL	Long Bar, Low Base	1.77 (45)	12.44 (316)	5" (127)	2.78 lbs. (1,260 g)



Đơn vị đo là đơn vị mm

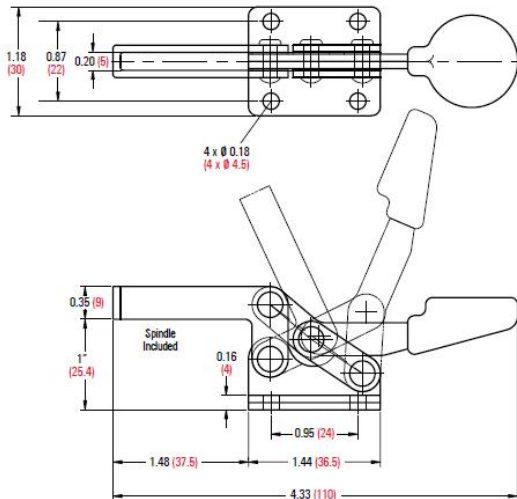
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

20300

- Lực kẹp : 30Kg
- Trọng lượng : 100(g)
- Góc mở tay cầm : 55 độ
- Góc mở thanh kẹp : 65 độ



GH-20300



Đơn vị đo là đơn vị mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

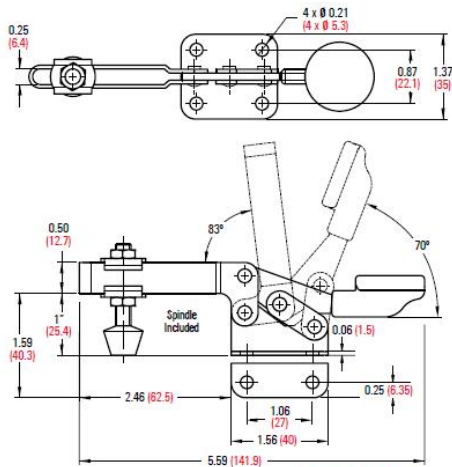
22100

- Lực kẹp : 68Kg
- Trọng lượng : 110(g)
- Góc mở tay cầm : 90 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



GH-22100

Model	Description
GH-22100	Flanged Base



Đơn vị đo là hệ mm

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

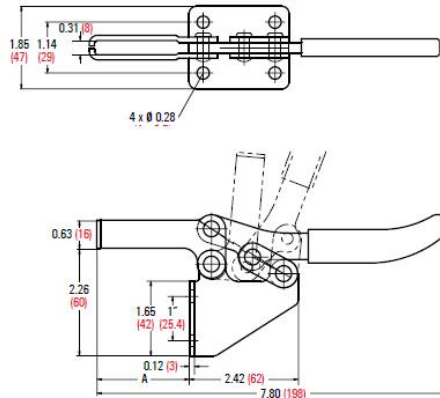
Series GH 202 F

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 385(g)
- Góc mở tay cầm : 76 độ
- Góc mở thanh kẹp : 94 độ



GH-202-F

Model	Description	A	Weight
GH-202-F	U-Bar, Side Mounted	2.05 (52)	0.85 lb. (385 g)



Đơn vị đo là đơn vị mm

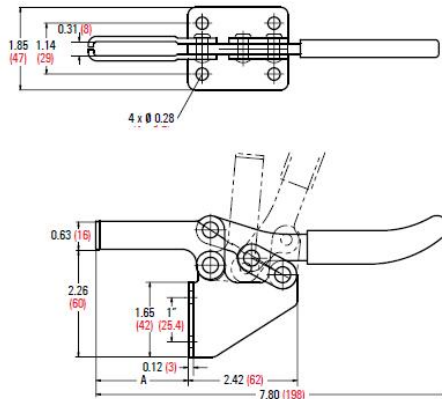
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 202 FL

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 380(g)
- Góc mở tay cầm : 58 độ
- Góc mở thanh kẹp : 85 độ



Model	Description	A	Weight
GH-202-FL	Long U-Bar, Side Mounted	3.50 (89)	0.94 lb. (425 g)



Đơn vị đo là đơn vị mm

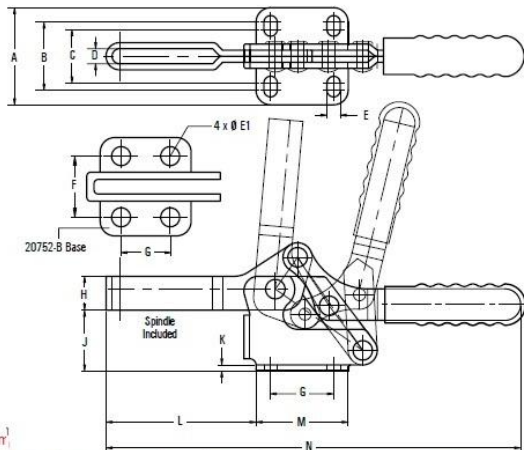
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series GH 20752-B, GH 21502-B

- Lực kẹp : 75Kg
- Trọng lượng : 100(g)
- Góc mở tay cầm : 76 độ
- Góc mở thanh kẹp : 94 độ



Đơn vị đo là đơn vị mm¹



Model	Holding Capacity	A	B	C	D	E	ØE1	F	G	H	J	K	L	M	N	Weight
GH-20752-B	165 lbs. (75 kg)	1.06 (27)	-	-	0.21 (5.3)	-	0.20 (5.2)	0.66 (16.8)	0.53 (13.5)	0.37 (9.5)	0.75 (19)	0.08 (2)	1.41 (36)	1" (25)	4.11 (104)	0.22 lb. (100 g)
GH-21502-B	330 lbs. (150 kg)	1.57 (40)	1.10 (28)	0.87 (22)	0.24 (6.2)	0.22 (5.5)	-	-	1.02 (26)	0.55 (14)	1" (25.1)	0.10 (2.5)	2.44 (62)	1.50 (38)	6.73 (171)	0.50 lb. (230 g)

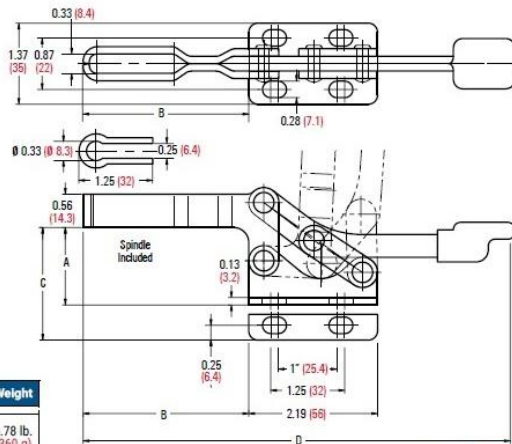
Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

Series : 22185

- Lực kẹp : 250Kg
- Trọng lượng : 360(g)
- Góc mở tay cầm : 88 độ
- Góc mở thanh kẹp : 96 độ



Model	Description	A	B	C	D	Weight
GH-22185	Long U-Bar Flanged Base		6.50 (165)			0.78 lb. (360 g)
		1.13 (28.6)	6.56	1.63 (41)	10.99 (279.2)	0.81 lb.



UNIT: inch (metric mm)

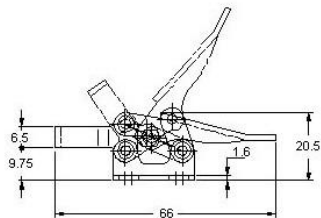
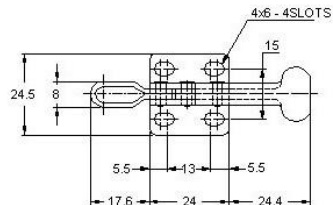
SỐ ĐỎ LÀ ĐƠN VỊ MM

Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

GH-20400



- o Lực kẹp : 20Kg
- o Trọng lượng : 25.5(g)
- o Góc mở tay cầm : 60 độ
- o Kiểu côn quay.



Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

20800 & 20800-SS

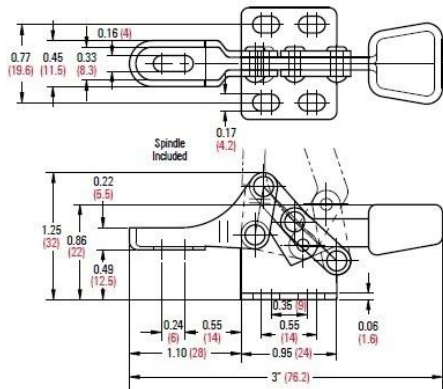
- Lực kẹp : 30 KG
- Trọng lượng : 40g
- Góc mở tay cầm : 80 độ
- Kiểu côn quay



GH-20800

Model	Description
GH-20800	Flanged Base
GH-20800-SS	Stainless Steel Model of GH-20800

Kích thước hệ inch : màu đen
Kích thước hệ mét : màu đỏ (mm)



Horizontal Toogle Clamps (Kẹp định vị ngang)

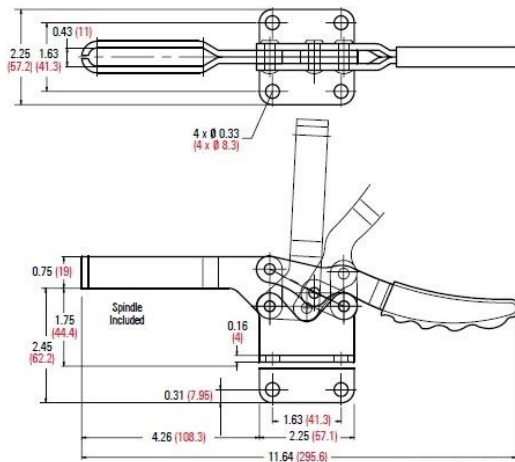
Series 20235

- Lực kẹp : 340Kg
- Trọng lượng : 640(g)
- Góc mở tay cầm : 50 độ
- Góc mở thanh kẹp : 85 độ



GH-20235

Model	Description
GH-20235	U-Bar, Flanged Base
GH-20235-SS	Stainless Steel Model of GH-20235
GH-20236	U-Bar, Straight Base



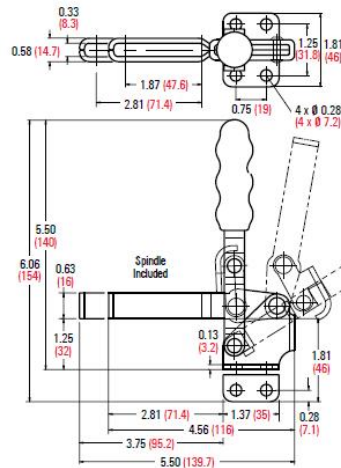
Số đo là đơn vị mm

Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 12130

Popular!

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : **355(g)**
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



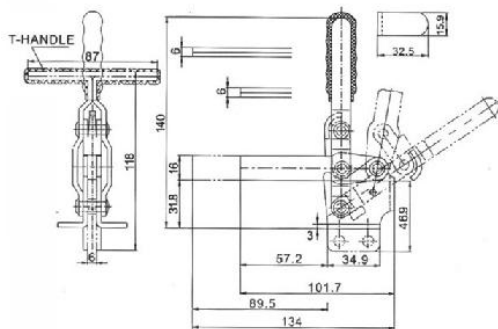
Đơn vị đo là hệ mm

Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 12131

Popular!

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 370(g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

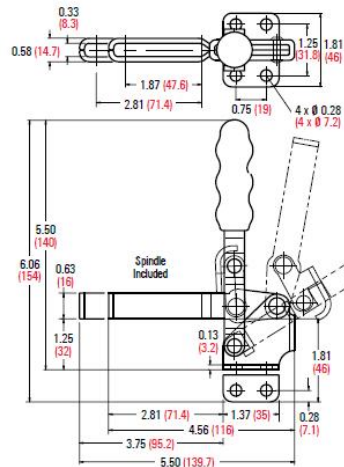
Series GH 12132

Popular!

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 370(g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



Model	Description	Weight
GH-12131	Short U-bar, Flanged Base, T-Handle	0.81 lb. (370 g)

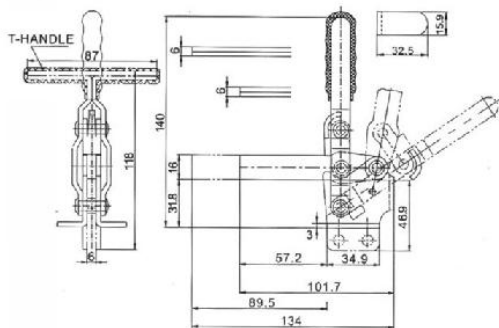


Đơn vị đo là hệ mm

Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 12133 *Popular!*

- Lực kẹp : 227Kg
- Trọng lượng : 400 (g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

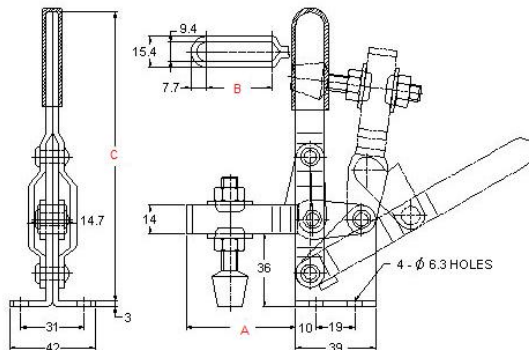
Series GH 101E, D 50MM, 100MM, 150MM, 200MM

- Lực kẹp : 180Kg
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ

GH - 101-D 50MM
 GH - 101-E 100MM
 GH - 101-D 150MM
 GH - 101-E 200MM



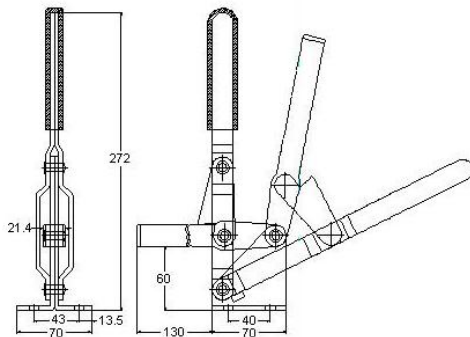
WEIGHT(g)	A	B	C
320g	54	32.7	145
350g	104	82.7	145
400g	154	132.7	-
410g	204	182.7	145



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 101-H

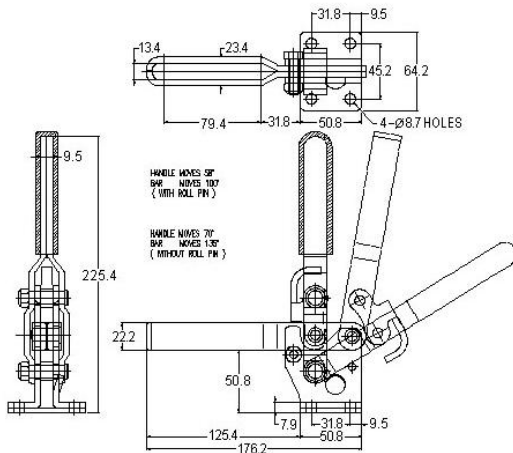
- Lực kẹp : 450Kg
- Trọng lượng : 1220(g)
- Góc mở tay cầm : 63 độ
- Góc mở thanh kẹp : 101 độ



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH-10247

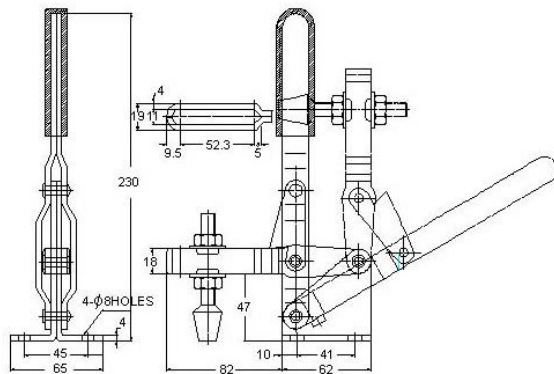
- Lực kẹp : 450Kg
- Trọng lượng : 1250(g)
- Góc mở tay cầm : 58 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 101-EL

- Lực kẹp : 360Kg
- Trọng lượng : 810(g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series 12265

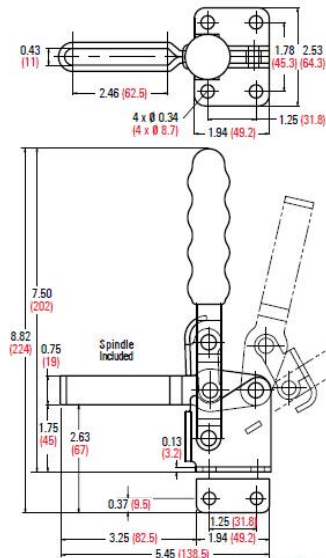
Popular!

- Lực kẹp : 340Kg
- Trọng lượng : 635(g)
- Góc mở tay cầm : 58 độ
- Góc mở thanh kẹp : 105 độ



GH-12265

Model	Description	Weight
GH-12265	U-Bar, Flanged Base, Straight Handle	1.40 lbs. (635 g)



Đơn vị đo là đơn vị mm

Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

1

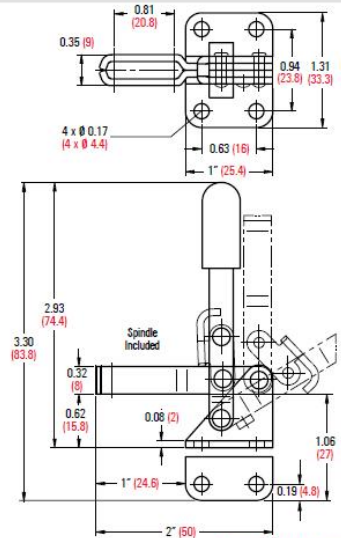
Series 101-A

- Lực kẹp : 50Kg
- Trọng lượng : 60(g)
- Góc mở tay cầm : 56 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ

Model	Description
GH-101-A	U-Bar, Flanged Base, Straight Handle



GH-101-A



Đơn vị đo là hệ mm

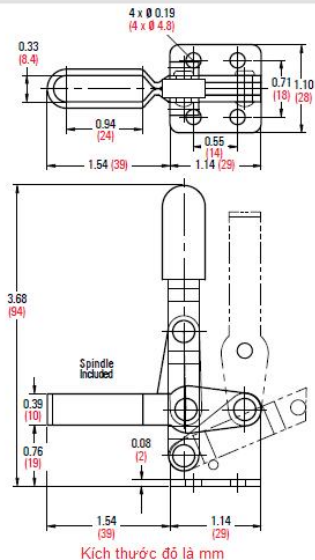
Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

102-B

- Lực kẹp : 100Kg
- Trọng lượng : 115(g)
- Góc mở tay cầm : 65 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



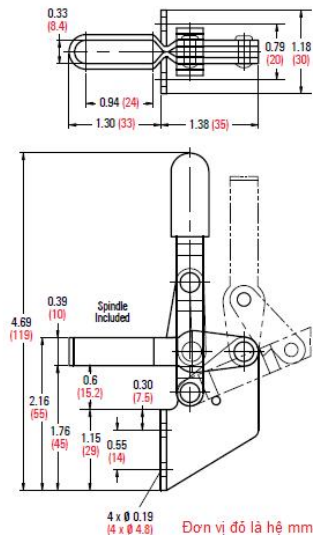
GH-102-B



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

101-B

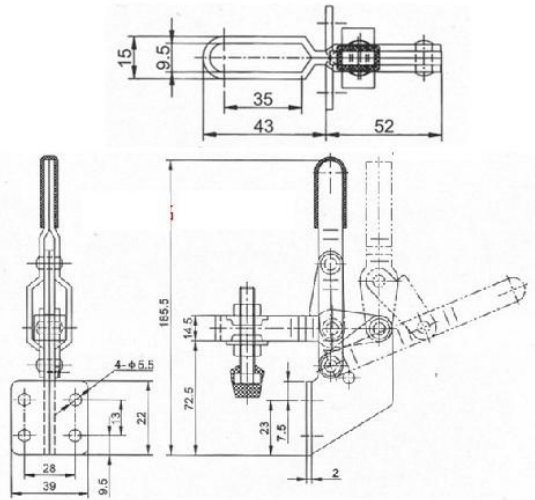
- Lực kẹp : 100Kg
- Trọng lượng : 135(g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 101-DL

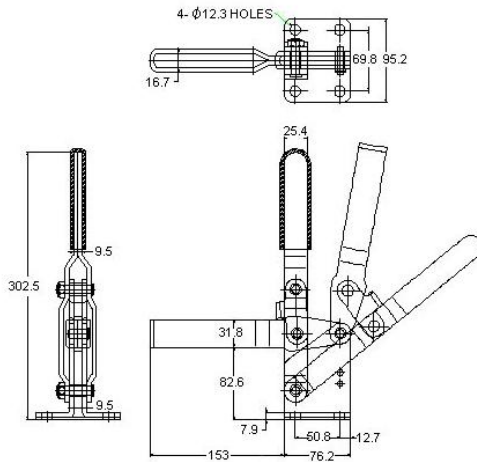
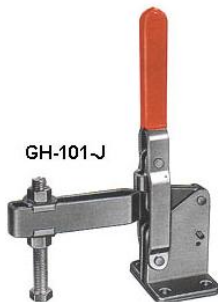
- Lực kẹp : 180Kg
- Trọng lượng : 350(g)
- Góc mở tay cầm : 65 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 101J

- Lực kẹp : 550Kg
- Trọng lượng : 2540(g)
- Góc mở tay cầm : 48 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



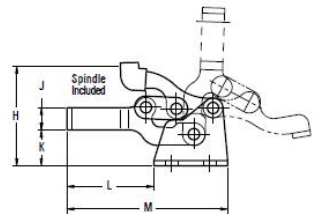
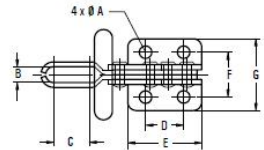
Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series 13005

- Lực kẹp : 68Kg
- Trọng lượng : 60(g)
- Góc mở tay cầm : 175 độ
- Góc mở thanh kẹp : 90 độ



GH-13005



Model	Holding Capacity	Spindle Supplied	Ø A	B	C	D	E	F	G	H	J	K	L	M	Weight
GH-13005	150 lbs. (68 kg)	GH-FC-10138	0.17 (4.4)	0.35 (9)	0.50 (12.7)	0.53 (13.5)	1.03 (26.2)	0.63 (15.9)	1" (25.4)	1.40 (35.2)	0.31 (7.9)	0.50 (12.7)	1.21 (30.8)	2.24 (57)	0.13 lb. (60 g)

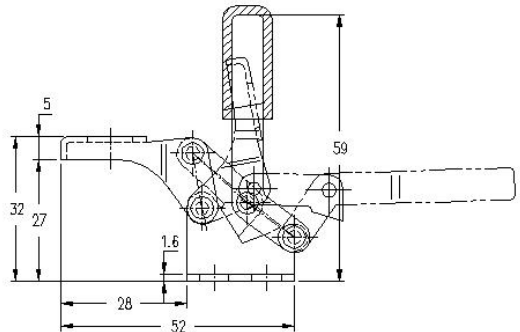
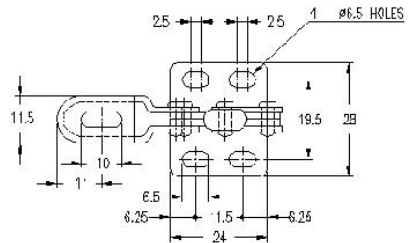
Đơn vị đo là đơn vị mm

Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 13009

- Lực kẹp : 30Kg
- Trọng lượng : 40(g)
- Góc mở tay cầm : 88 độ
- Góc mở thanh kẹp : 80 độ

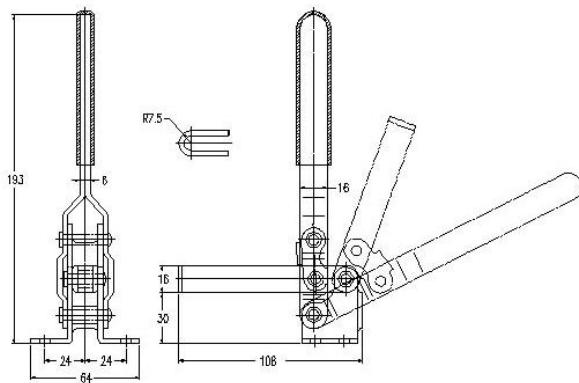
GH-13009



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 11412

- Lực kẹp : 200Kg
- Trọng lượng : 370(g)
- Góc mở tay cầm : 64 độ
- Góc mở thanh kẹp : 110 độ

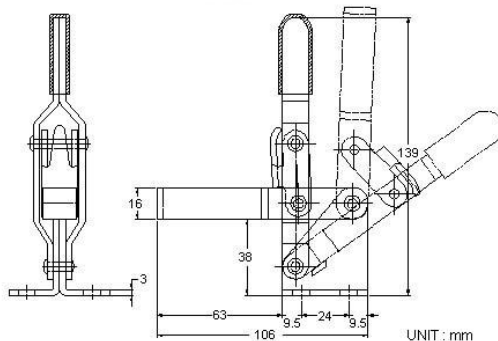
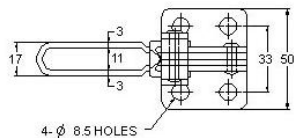
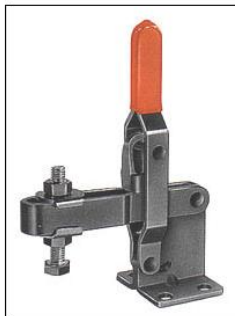


Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Series GH 11421

- Lực kẹp : 150Kg
- Trọng lượng : 350(g)
- Góc mở tay cầm : 45 độ
- Góc mở thanh kẹp : 94 độ

GH-11421



Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

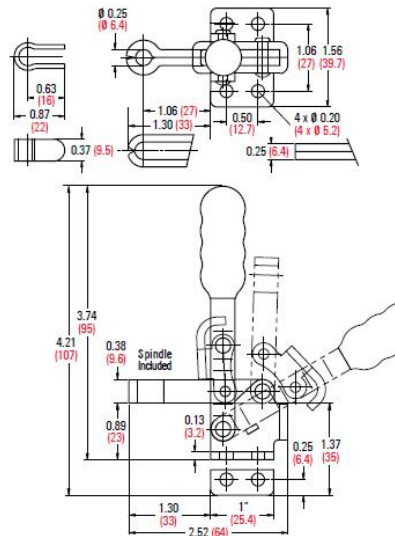
Series GH 12050

- Lực kẹp : 91Kg
- Trọng lượng : 170(g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



GH-12050

Model	Description
GH-12050	Fixed Spindle, Flanged Base, Straight Handle



Đơn vị đo là đơn vị mm

Vertical Toogle Clamps (Kẹp định vị dọc)

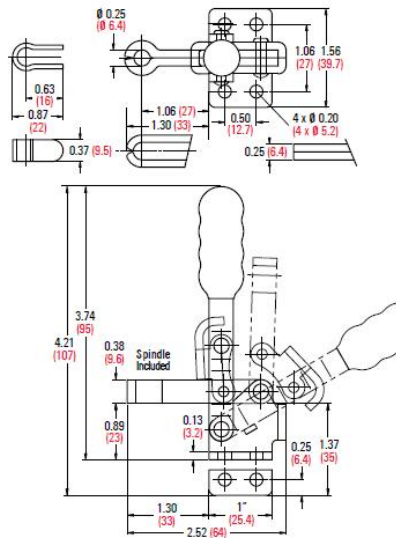
Series GH 12050-U

- Lực kẹp : 91Kg
- Trọng lượng : 170(g)
- Góc mở tay cầm : 60 độ
- Góc mở thanh kẹp : 100 độ



GH-12050-U

Model	Description
GH-12050-U	U-Bar, Flanged Base, Straight Handle

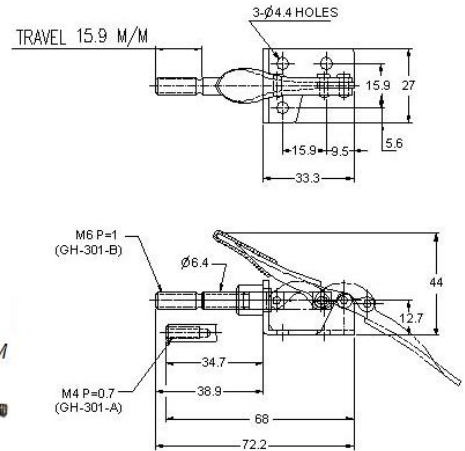


Đơn vị đo là đơn vị mm

Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH-301-AM, GH-301-BM

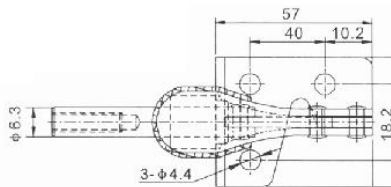
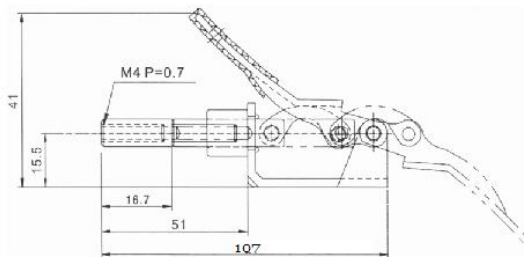
- Lực kẹp : 45(Kg)
- Trọng lượng : 43(g)
- Góc mở tay cầm : 190 độ
- Hành trình thanh kẹp : 16(mm)



Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH 301-AL

- Lực kẹp : 90(Kg)
- Trọng lượng : 73(g)
- Góc mở tay cầm : 190 độ
- Hành trình thanh kẹp : 30(mm)

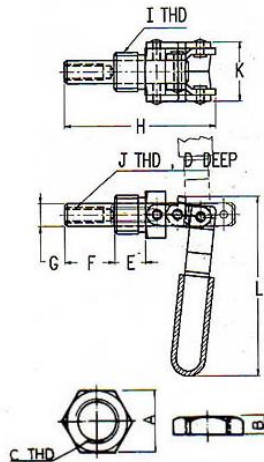


Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH-36202, GH-36204, GH-36224

Model	Lực kẹp	Trọng lượng	Hành trình thanh (mm)
GH-36202M	91kg	113g	19
GH-36204M	136kg	270g	38
GH-36224M	318kg	690g	66.8

GH-36202M
GH-36204M
GH-36224M



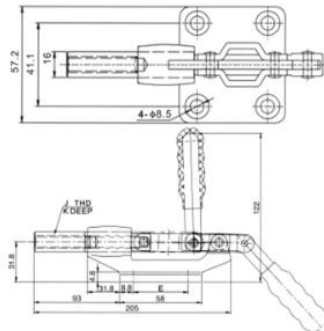
Model	A	B	C	I	D	E	F	G	H	K	L
GH-36202M	23	6.4	M16 P=1.5		15.8	12.7	20.6	Ø 9.4	63	M6 P=1	75
GH-36204M	30	6.4	M20 P=1.5		25.4	15.9	39.7	Ø 11	115	M8 P=1.25	98
GH-36224M	41	6.4	M27 P=2.0		31.75	22	69	Ø 15.8	169.5	M10 P=1.5	137

Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

www.hiepky.com.vn | 0903 909 909

Series GH 305-EL

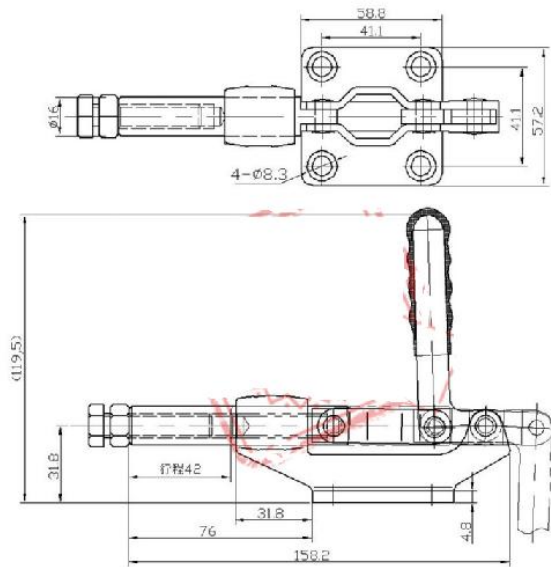
- Lực kẹp : 550(Kg)
- Trọng lượng : 712(g)
- Góc mở tay cầm : 190 độ
- Hành trình thanh kẹp : 61(mm)



Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH 305-EM

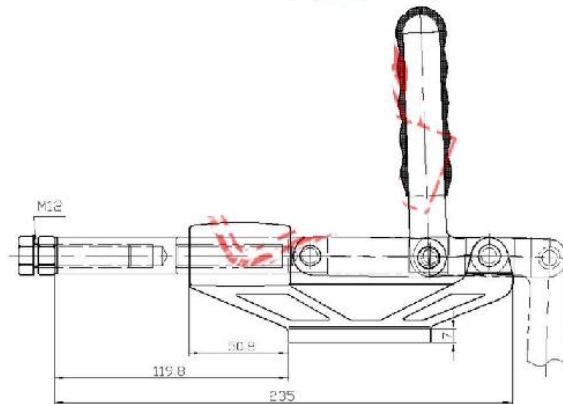
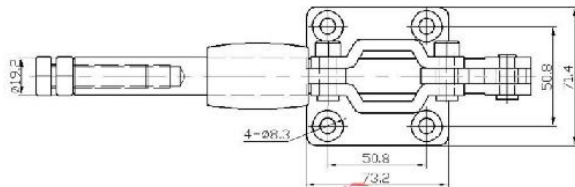
- Lực kẹp : 386(Kg)
- Trọng lượng : 558(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 42(mm)



Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH 305-HM

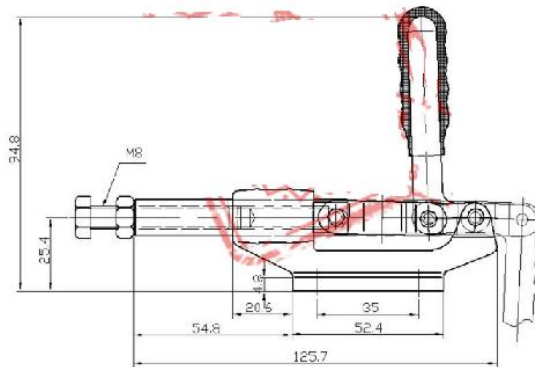
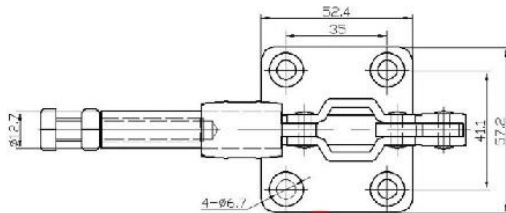
- Lực kẹp : 680(Kg)
- Trọng lượng : 1350(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 60(mm)



Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

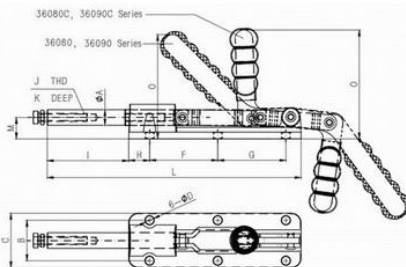
Series GH 305-CM

- Lực kẹp : 227(Kg)
- Trọng lượng : 340(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 32(mm)



Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH 36090, 36090C, 36080, 36080C



36080C

36090C

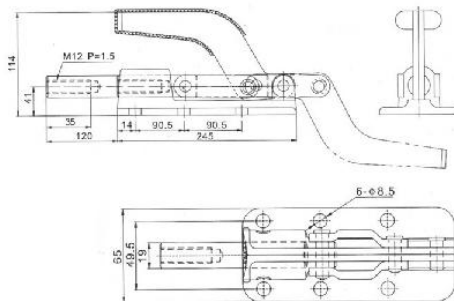
UNIT:mm

MODEL	Trọng lượng	Lực kẹp	ØA	B	C	ØD	F	G	H	I	J	K	L	M	O	Hành trình
36080	1310g	1484N	Ø16	41.5	56	Ø8.7	70	70	21.5	83.5	M8	45	259.5	22	118	80
36080C	1260g	1484N	Ø16	41.5	56	Ø8.7	70	70	21.5	83.5	M8	45	259.5	22	112	80
36090	1270g	1484N	Ø16	41.5	56	Ø8.7	70	70	22.5	99	M8	45	276	22	106.5	90
36090C	1260g	1484N	Ø16	41.5	56	Ø8.7	70	70	22.5	99	M8	45	276	22	112	90

Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH36330LL 120mm

- Lực kẹp : 680(Kg)
- Trọng lượng : 2744(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 120(mm)

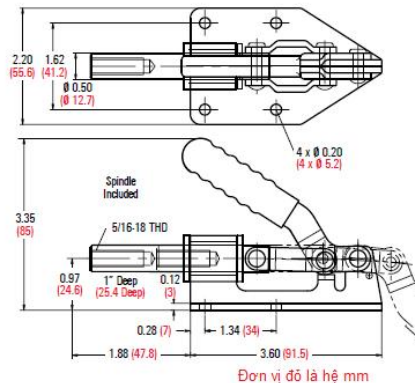


Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

www.hiepky.com.vn | 0903 908 686 | 0903 908 687

36092

- Lực kẹp : 180(Kg)
- Trọng lượng : 397(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 31.8(mm)

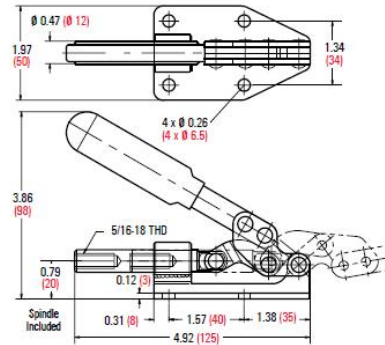


Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

23

36020

- Lực kẹp : 180(Kg)
- Trọng lượng : 345(g)
- Góc mở tay cầm : 145 độ
- Hành trình thanh kẹp : 30(mm)

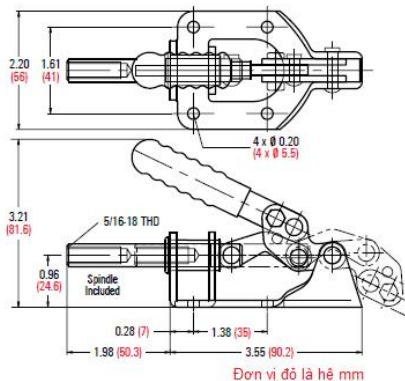


Đơn vị đo là hệ mm

Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

302-F & 302-FSS *Popular!*

- Lực kẹp : 136(Kg)
- Trọng lượng : 300(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 32(mm)



Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

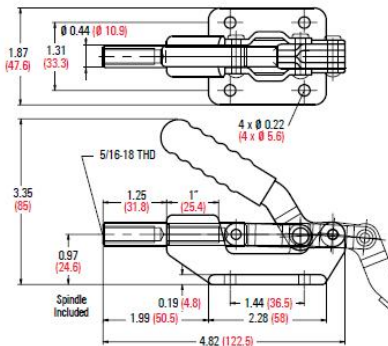
www.hiep.com.vn | 0903 909 909 | 0903 909 909

36003

- Lực kẹp : 272(Kg)
- Trọng lượng : 355(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 31.8(mm)



GH-36003

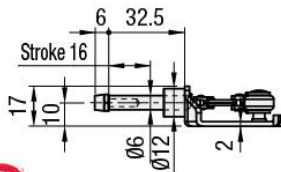
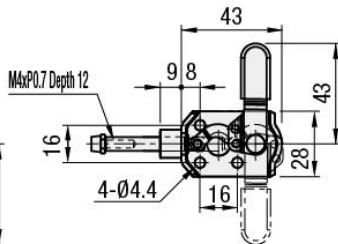
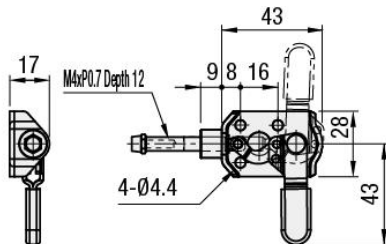


Đơn vị đo là hệ mm

Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH 301CR - GH 301CL

- Lực kẹp : 50(Kg)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 16(mm)

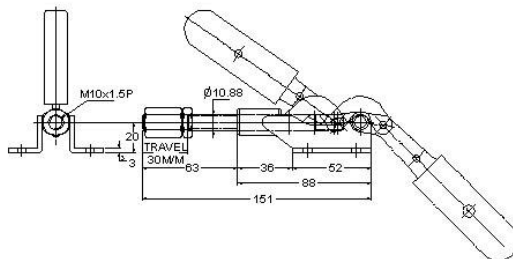
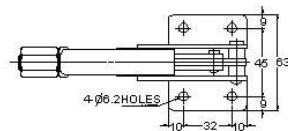


Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH 31501

- Lực kẹp : 200(Kg)
- Trọng lượng : 335(g)
- Góc mở tay cầm : 190 độ
- Hành trình thanh kẹp : 30(mm)

GH-31501

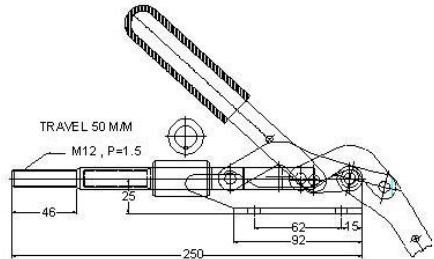
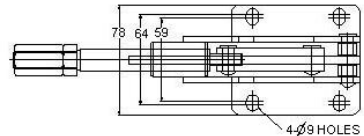


Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

Series GH 303-EM

- Lực kẹp : 454(Kg)
- Trọng lượng : 965(g)
- Góc mở tay cầm : 190 độ
- Hành trình thanh kẹp : 50(mm)

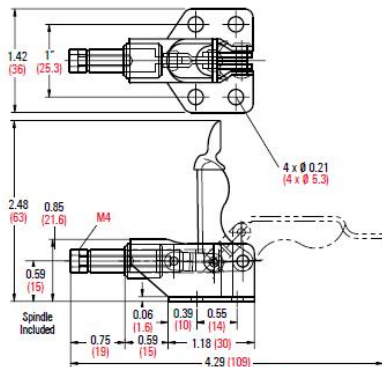
GH-303-EM



Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

36006

- Lực kẹp : 50(Kg)
- Trọng lượng : 70(g)
- Góc mở tay cầm : 93 độ
- Hành trình thanh kẹp : 11(mm)

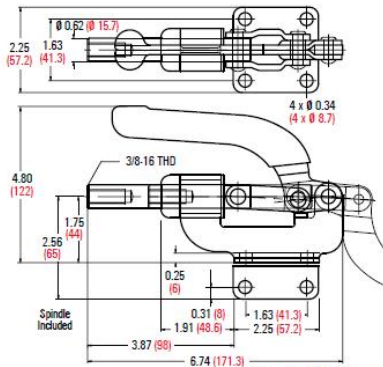


Đơn vị đo là hệ mm

Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

36010

- Lực kẹp : 364(Kg)
- Trọng lượng : 800(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 41.3(mm)



Đơn vị đo là hệ mm

Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

UNIQUE

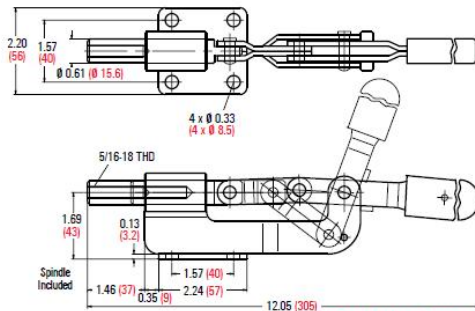
36060

REVERSE ACTION

- Lực kẹp : 300(Kg)
- Trọng lượng : 615(g)
- Góc mở tay cầm : 76 độ
- Hành trình thanh kẹp : 28(mm)



GH-36060



Đơn vị đo là hệ mm

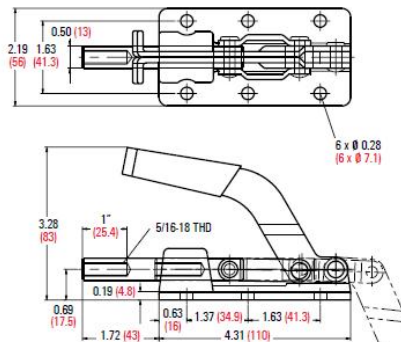
Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

30607 LOW PROFILE

- Lực kẹp : 318(Kg)
- Trọng lượng : 700(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 41.3(mm)



GH-30607



Đơn vị đo là hệ mm

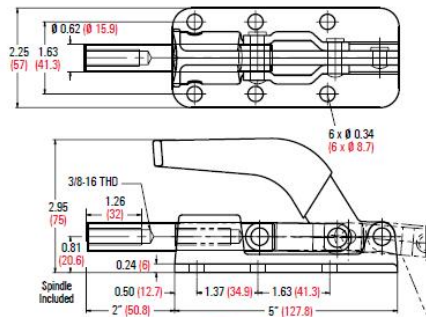
Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

36330

- Lực kẹp : 1135(Kg)
- Trọng lượng : 935(g)
- Góc mở tay cầm : 180 độ
- Hành trình thanh kẹp : 50.8(mm)



GH-36330



Đơn vị đo là hệ mm

Push/Pull Toggle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

UNIQUE

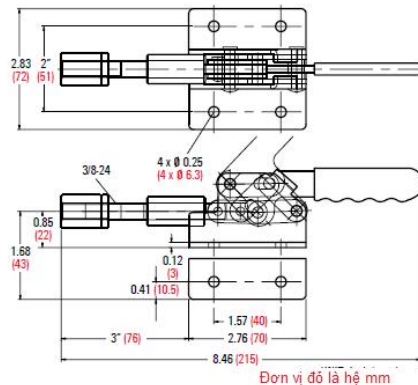
302-D

REVERSE ACTION

- Lực kẹp : 160(Kg)
- Trọng lượng : 454(g)
- Góc mở tay cầm : 45 độ
- Hành trình thanh kẹp : 12(mm)



GH-302-D



Push/Pull Toogle Clamps (Kẹp đẩy ngang)

UNIQUE

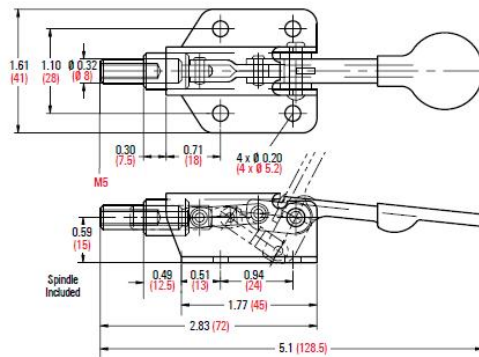
36070

REVERSE ACTION

- Lực kẹp : 50(Kg)
- Trọng lượng : 100(g)
- Góc mở tay cầm : 66 độ
- Hành trình thanh kẹp : 10(mm)



GH-36070



Đơn vị đo là hệ mm